

ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9

Các em làm bài trực tiếp vào tập bài học, ghi đầy đủ Họ tên, lớp lên mặt giấy làm bài.
Đối với trắc nghiệm, chọn đáp án nào chỉ cần ghi ngắn gọn, Ví dụ 1A. 2B
Tự luận các em ghi rõ câu trả lời và vẽ biểu đồ đầy đủ các bước.

I. TRẮC NGHIỆM

- Câu 1:** Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?
A. 5 B. 6 C. 7 D. 8
- Câu 2:** Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển ở Đông Nam Bộ:
A. Bình Dương, Bình Phước.
B. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. Tây Ninh, Đồng Nai.
D. Đồng Nai, Bình Dương.
- Câu 3:** Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:
A. Đất xám và đất phù sa
B. Đất badan và đất feralit
C. Đất phù sa và đất feralit
D. Đất badan và đất xám
- Câu 4:** Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là:
A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.
B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.
D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.
- Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ:
A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.
B. Thị trường tiêu nhỏ do đời sống nhân dân ở mức cao.
C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.
- Câu 6:** Cho bảng số liệu sau:
MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 1999

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Nam Bộ	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km ²	434	233
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số	%	1,4	1,4
Tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị	%	6,5	7,4
Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn	%	24,8	26,5
Thu nhập bình quân đầu người một tháng	Nghìn đồng	527,8	295,0
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	92,1	90,3
Tuổi thọ trung bình	Năm	72,9	70,9
Tỉ lệ dân số thành thị	%	55,5	23,6

Tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức:

- A. 50 % B. 40 % C. 30 % D. 10 %
- Câu 7:** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

- A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.
- B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.
- C. Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.
- D. Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 1999

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Nam Bộ	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km ²	434	233
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số	%	1,4	1,4
Tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị	%	6,5	7,4
Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn	%	24,8	26,5
Thu nhập bình quân đầu người một tháng	Nghìn đồng	527,8	295,0
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	92,1	90,3
Tuổi thọ trung bình	Năm	72,9	70,9
Tỉ lệ dân số thành thị	%	55,5	23,6

Chỉ số phát triển dân cư, xã hội ở Đông Nam Bộ thấp hơn trung bình cả nước là:

- A. Tỉ lệ người lớn biết chữ
- B. Tỉ lệ dân số thành thị
- C. Tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị
- D. Tuổi thọ trung bình

Câu 9: Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A. Than
- B. Dầu khí
- C. Boxit
- D. Đồng

Câu 10: Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là:

- A. Biên Hòa
- B. Thủ Dầu Một
- C. TP. Hồ Chí Minh
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 11: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

Vùng \ Khu vực	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước	23,0	38,5	38,5

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

- A. Nông, lâm, ngư nghiệp
- B. Dịch vụ

- C. Công nghiệp xây dựng
- D. Khai thác dầu khí

Câu 12: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là:

- A. Dệt – may, da- giấy, gốm sứ.
- B. Dầu khí, phân bón, năng lượng.
- C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí.
- D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 13: Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A. Điều
- B. Cà phê
- C. Cao su
- D. Hồ tiêu

Câu 14: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là:

- A. Thủy lợi
- B. Phân bón
- C. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- D. Phòng chống sâu bệnh

Câu 15: Tỷ lệ dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ so với cả nước chiếm:

- A. 30 % B. 45 % C. 90 % D. 100 %

II. TỰ LUẬN

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam xác định

- a. Sự phân bố các loại tài nguyên khoáng sản ở Đông Nam Bộ
- b. Tên các nhà máy điện (thủy - nhiệt) ở Đông Nam Bộ
- c. Kể tên 3 loại tài nguyên du lịch tự nhiên, 3 loại tài nguyên du lịch nhân văn của vùng

Đông Nam Bộ.

2. Dựa vào bảng 33.3 SGK trang 123, tính mật độ dân số của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 và rút ra nhận xét.